

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:126/2018/DS-PT

Ngày: 03 - 10 - 2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr

Các thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr, ông Trương Công Bình

- Thư ký phiên tòa:bà Nguyễn Thị Khánh Chi -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2017/TLPT-DS ngày 21/11/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Châu T; địa chỉ: Thôn HN, xã EN, huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Lê Thị Hoài Tr; địa chỉ: Thôn HN, xã EN, huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Xuân Anh Ph - Công ty Luật TNHH một thành viên TK thuộc đoàn luật sư Đắk Lắk; địa chỉ: 159 LTT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Bà L; địa chỉ: BN, xã EN, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông K; địa chỉ: BT, xã KN, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

3.2. Ông R; địa chỉ: BN, xã EN, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

3.3. Ông B; địa chỉ: BN, xã EN, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K, ông R, ông B: Luật sư Nguyễn Thị Bích H – Công ty Luật TNHH Chính Nhân – Đoàn luật sư Hà Nội (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà L, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông K, ông R và ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Ngô Châu T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Lê Thị Hoài Tr trình bày:

Do có quan hệ quen biết cùng trú tại địa phương nên bà L cùng các con trai là ông K, R và B có đến nhà bà Ngô Châu T vay tiền, cụ thể ngày 02/4/2017 vay số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và ngày 12/4/2017 vay số tiền 300.000.000 đồng. Các lần vay đều tính lãi suất 2% triệu/1 tháng, mục đích vay về để đáo hạn ngân hàng và hẹn trong vòng 20 ngày sẽ hoàn trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi. Tuy nhiên đến ngày trả nợ thì bà L và các con bà L cố tình không trả do vậy bà Ngô Châu T khởi kiện ra Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như phiên hòa giải vào ngày 20/6/2017, đồng thời trong quá trình giải quyết đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện theo nội dung đơn khởi kiện về yêu cầu bà L trả số tiền 300.000.000đ vì hai bên thỏa thuận trả xong khoản nợ trên. Nguyên đơn tiếp tục yêu cầu bà L và các con trai bà là ông K, R và B phải có trách nhiệm trả cho bà Ngô Châu T số tiền nợ gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và lãi suất theo theo giấy vay tiền ngày 02/4/2017 (lãi suất 2%/1 triệu/tháng, tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 13/4/2017 đến 26/9/2017 là: $600.000.000đ \times 2\% \times 2 \text{ tháng} = 24.000.000 \text{ đồng}$). Như vậy, tổng cả gốc và lãi là 624.000.000đ (sáu trăm hai mươi bốn triệu đồng), và tiếp tục yêu cầu tính lãi suất đến khi trả xong khoản nợ trên.

Trong quá trình giải quyết và hòa giải cũng như tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn bà L trình bày:

Bà L thừa nhận chỉ có vay của bà Ngô Châu T số tiền 600.000.000đ có các con trai là K, R và B ký vào với tư cách người làm chứng, mục đích vay về chăn nuôi heo nhưng thua lỗ. Hiện nay do gia đình khó khăn, chồng bà đã mất nên hứa trả dần số tiền 600.000.000đ cho bà Ngô Châu T. Quá trình vay bà đã trả lãi cho bà T số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng). Bà L trình bày theo thỏa thuận vay với lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày chứ không phải là 2%/triệu/tháng như phía đại diện nguyên đơn trình bày. Nay bị đơn chỉ đồng ý trả dần số nợ gốc là 600.000.000đ mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi trả hết nợ và không đồng ý trả lãi cho bà T vì đã trả lãi được số tiền 75.000.000đ.

Việc vay tiền giữa bà và bà Ngô Châu T không liên quan đến các con của bà là K, R và B vì việc giao dịch vay và nhận tiền vay vào tháng 3/2017, lúc đó không có mặt các con của bà. Đến ngày 20/5/2017 hai bên viết lại giấy vay tiền thì các con là K, R và B mới ký vào giấy biên nhận vay tiền đề ngày 02/4/2017 nhưng thực tế là viết lại vào ngày 20/5/2017.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông K, R và B trình bày:

Chúng tôi thừa nhận mẹ tôi bà L có nợ bà Ngô Châu T 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) chứ không phải 900.000.000đ (chín trăm triệu) như yêu cầu khởi kiện của bà T. Chúng tôi có ký vào giấy vay tiền tuy nhiên chúng tôi ký là bị ép buộc bởi sợ mẹ là Bà L tự tử, để cứu mẹ tôi nên chúng tôi ký vào giấy vay tiền giữa mẹ tôi và bà Ngô Châu T chứ chúng tôi không có vay tiền bà T, tại phiên hòa giải thành ngày 25/8/2017 chúng tôi đồng ý trả nợ, tuy nhiên sau khi suy nghĩ lại chúng tôi không đồng ý trả nợ thay mẹ nữa.

Chúng tôi xác định việc mẹ tôi bà L nợ bà Ngô Châu T số tiền 600.000.000đ thì mẹ tôi sẽ có trách nhiệm sẽ trả dần cho bà T. Chữ ký trong giấy vay tiền ngày 02/4/2017 tại phần vay tiền là của chúng tôi. Tuy nhiên, thực tế giấy vay tiền đề ngày 02/4/2017 được lập tại nhà bà T vào ngày 20/5/2017. Lý do chúng tôi cùng ký vào giấy vay nợ với mẹ là do vợ chồng bà Ngô Châu T và ông L1 có bảo ba mẹ con chúng tôi đến nhà bà T để ký lại giấy vay tiền mà trước đó mẹ tôi vay của bà Ngô Châu T. Chúng tôi ký vào giấy vay tiền là do bị ép buộc vì chúng tôi không hiểu pháp luật sợ mẹ tôi đi tù nên chúng tôi mới ký vào giấy vay tiền còn mẹ tôi vay tiền làm gì thì chúng tôi không biết và cũng không sử dụng số tiền trên và chúng tôi đã ra ở riêng từ lâu không còn phụ thuộc vào kinh tế của mẹ tôi nữa.

Tại bản án sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ngô Châu T.

- Buộc bà L và ông K, ông R và ông B phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Châu T số tiền nợ gốc đã vay là: 600.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/4/2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 26/09/2016 là: 24.450.000 đồng. Tổng cộng: 624.450.000đ (sáu trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên tiền án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2017 bị đơn bà L có đơn kháng cáo đối với bản án số 07/2017/DSST ngày 26/9/2017 của TAND huyện Buôn Đôn về việc miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 09/10/2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K, ông R và ông B có đơn kháng cáo đối với bản án số 07/2017/DSST ngày 26/9/2017 của TAND huyện Buôn Đôn kháng cáo về phần liên đới trả nợ đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người kháng cáo yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông K, R và B là luật sư Nguyễn Thị Bích H trình bày luận cứ: Quá trình giải quyết bị đơn bà L đã thừa nhận hiện chỉ còn nợ bà Ngô Châu T số tiền 600.000.000đ là hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, việc vay tiền bà T từ ngày 12/3/2017, đến ngày 20/5/2017 mới thiết lập lại giấy vay tiền đề ngày 02/4/2017 và có các con bà L ký vào. Nội dung giấy vay tiền không có điều khoản nào quy định các con của bà L bảo lãnh cho khoản vay của bà L. Các con bà L không hề thấy việc giao tiền cũng như không biết rõ mục đích bà L vay để làm gì. Do vậy, các con bà L không liên quan đến khoản vay này. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông K, ông R và ông B.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Xuân Anh Ph trình bày luận cứ: Do có quan hệ quen biết, bà L cùng các con trai là ông K, R và B có đến nhà bà Ngô Châu T vay tiền, cụ thể đối với giấy vay tiền ngày 02/4/2017 vay số tiền 600.000.000đ mục đích vay về để đáo hạn ngân hàng, đối với

khoản vay có tài sản thế chấp là tài sản của hộ gia đình, trong đó có các con bà L, giấy vay ngày 02/4/2017 các con của bà L ký với tư cách là bên vay. Đối với giấy mượn tiền ngày 12/3/2017 mà bà L cho rằng là cùng một khoản vay ngày 02/4/2017 là không có cơ sở, vì khoản vay này là khoản vay của bà T cho người khác vay và bà L đứng ra bảo lãnh. Tại Tòa án cấp sơ thẩm các bên đã thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ, Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành ngày 25/8/2017 nội dung bà L và các con là ông K, ông R và ông B cam kết có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc 600.000.000 đồng. Vì lý do trên đề nghị HĐXX, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà L, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K, R và B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm khẳng định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá nội dung tranh chấp. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2, Điều 308 không chấp nhận kháng cáo của bà L, chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K, ông R và ông B sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ liên đới trả nợ. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà L; ông K, ông R và ông B hợp lệ về hình thức, được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bà Ngô Châu T và bà L có mối quan hệ quen biết, bà L có đến nhà vay bà Ngô Châu T số tiền 600.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, trong giấy vay tiền ngày 02/4/2017 do nguyên đơn là bà Ngô Châu T cung cấp có chữ ký của các con bà L là ông K, ông R và B.

[2.1] Xét kháng cáo của ông K, ông R và B HĐXX thấy rằng: Việc vay mượn giữa bà L với bà Ngô Châu T số tiền 600.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con của bà L cung cấp một giấy mượn tiền đề

ngày 12/3/2017, trong giấy mượn tiền này có chữ ký của bà Ngô Châu T, có nội dung bà L có mượn của bà Ngô Châu T số tiền 600.000.000 đồng, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2018; biên bản đối chất ngày 25/5/2018 chỉ Lê Thị Hoài Tr là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận có giấy mượn tiền đề ngày 12/3/2017 mà chỉ có giấy vay tiền đề ngày 02/4/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K, ông R và B có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của bà Ngô Châu T trong giấy mượn tiền đề ngày 12/3/2017. Tại Kết luận giám định số 72/PC54 ngày 25/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ viết và chữ ký đứng tên Ngô Châu T và các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra, tức là chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 12/3/2017 là của bà Ngô Châu T.

Đồng thời, các lời trình bày của chị Trâm có mâu thuẫn với nhau như: Trước khi có kết quả giám định bà Trâm khẳng định tại biên bản đối chất ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là không có giấy mượn tiền ngày 12/3/2017. Sau khi có kết quả giám định, tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/8/2018 chị Lê Thị Hoài Tr cho rằng giấy mượn tiền đề ngày 12/3/2017 không liên quan đến khoản nợ ngày 02/4/2017. Do đó, HĐXX xét thấy: Giữa bà T và bà L có việc vay tiền số tiền 600.000.000đ, hai bên có viết giấy mượn tiền đề ngày 12/3/2017 trong giấy này không có các con của bà L là ông K, ông R và B ký vào, vì vậy các con của bà L cho rằng giấy vay tiền ngày 02/4/2017 là viết lại giấy mượn tiền ngày 12/3/2017 và các khoản nợ theo giấy nợ ngày 02/4/2017 và giấy vay ngày 12/3/2017 là cùng một khoản tiền nợ do bà L vay là có căn cứ. Đồng thời, tại giấy vay ngày 12/3/2017 không có sự tham gia của các con bà L và tại thời điểm này các con của bà L đều đã lập gia đình ở riêng về kinh tế không còn liên quan đến bà L. Vì vậy, đã có đủ căn cứ xác định, số tiền 600.000.000đ chỉ có bà L vay của bà T không có các con là K, R và B tham gia. Do vậy HĐXX cần chấp nhận kháng cáo của ông K, R và B sửa bản án sơ thẩm.

[2.2] Xét kháng cáo của bà L về việc xin miễn án phí dân sự sơ thẩm thấy rằng: Bà L không thuộc trường hợp được miễn giảm tiền tạm ứng án phí quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy, kháng cáo của bà không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận nên ông K, ông R và ông B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà L về phần án phí dân sự sơ thẩm; chấp nhận kháng cáo của ông K, ông R và ông B về phần trách nhiệm dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Ngô Châu T. Buộc bà L trả cho bà Ngô Châu T số tiền nợ gốc đã vay là 600.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 13/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 24.450.000đ. Tổng cộng là 624.450.000đ (Sáu trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Châu T phải chịu 5.040.000đ tiền chi phí giám định theo giấy nhận tiền ngày 03/7/2018 của Phòng PC 45 Công an tỉnh Đắk Lắk. Ông K được nhận lại số tiền 5.040.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của bà Ngô Châu T.

[3] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu 28.978.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003576, ngày 25/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn; Các ông K, ông R và ông B không phải chịu án phí dân sự sơ

thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho các ông K, R và B số tiền 900.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số AA/2016/0003577; AA/2016/0003578 và AA/2016/0003579 do bà L nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD vào ngày 25/10/2017.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC tại Hà Nội;
- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn
- Chi cục THA huyện BD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Y Thông Kbuôr